

CHUYÊN MỤC

TÀI CHÍNH CHÍNH SÁCH

LAO ĐỘNG NHẬP COUNTRY VÀ NHU CẦU NGƯỜI ĐÓNG T RA

LÊ THỊ H. RIN

Hiện nay, lao động nhập cư và nhu cầu chính sách đối với lao động nhập cư luôn là nhu cầu của các thị trường chính quy ở TPHCM. Trong bài viết này, tác giả phân tích đánh giá đúng đắn về tình trạng lao động nhập cư, tác động của lao động nhập cư đến phát triển, huy động ra những đóng góp phát huy vai trò của lao động nhập cư ở TPHCM.

1. VÀI NÉT VỀ TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG NHẬP COUNTRY Ở TPHCM

Hiện nay, với số dân 7.990.100 người ở TPHCM là địa phương đông dân nhất Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2013). Trong đó, một phần ba dân số thành phố (30,1%) là dân nhập cư (Bộ H, 2011). Với tình hình như trên, có thể thấy lao động nhập cư có vai trò đáng kể trong sự phát triển kinh tế-xã hội thành phố trong những năm qua. Thành phố hiện có dân chuyển đến thành phố gồm những bộ phận chủ yếu như: công chức, viên chức, người làm việc ở các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật; lao động các địa phương chuyển đến; học sinh, sinh viên đến học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, các

trường nghề thông qua thành phố; trong đó, tỉ lệ đa số là dân nông thôn nhập cư, chiếm 80% (31,46% đến từ Đồng bằng sông Cửu Long, 17,7% đến từ đồng bằng sông Hồng và 30,84% đến từ các vùng khác) (Thu Hiền, 2009). Với lực lượng đông đảo như trên, lao động nhập cư có tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế-xã hội, phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn TPHCM. Sự tác động đó có tính chất hai mặt – tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, trước hết, lao động nhập cư cung cấp nguồn lao động dồi dào và đa dạng, làm cho thị trường sức lao động trên địa bàn có tính cạnh tranh, tác động đến lao động tại chỗ, thúc đẩy người lao động nâng cao trình độ tay nghề. Trong số lao động nhập cư, có nhiều người là lao động có trình độ cao.

Người lao động nhập cư góp phần thúc

Lê Thị H. Rin. Tác giả. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

đẩy sự trao đổi về kinh tế, văn hóa và kỹ thuật, khuyến khích trao đổi các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ giữa nông dân và nông dân, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo ở nông dân, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề dịch vụ cho dân cư đô thị, hình thành thị trường lao động phù hợp. Lao động nghề nghiệp rất linh động và tích cực trong việc tìm kiếm những nghề công việc có tính chất mới mẻ, năng động, các công việc có thu nhập thấp và nguy hiểm mà người dân thành phố dù có thời gian rảnh cũng không muốn làm hoặc nếu có nhận làm cũng đòi hỏi công cao hơn. Mặt khác, lao động nghề nghiệp chính là đồng lực thúc đẩy việc hình thành các khu đô thị mới ở thành phố, có những quận, huyện vùng ven có đến hơn 1/3 dân số là người dân ở các thị trấn (Các thị trấn TP HCM, 2012). Điển hình là quận Thủ Đức, quận Gò Vấp, quận Bình Tân, huyện Bình Chánh. Một bộ phận lao động nghề nghiệp đã phần nào vươn lên trở thành những chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho những người lao động nghề nghiệp khác và việc làm cho lao động thành phố. Theo báo cáo kết quả điều tra năm 2012, có 2,9% lao động nghề nghiệp tự mình làm chủ các doanh nghiệp, các sản phẩm xuất kinh doanh (Ban Lao động-Thị trường bình và Xã hội - Cục Việc làm, 2012).

Theo số liệu thống kê của Ban kinh tế - Ngân sách thành phố thì trong những năm qua, lao động nghề nghiệp đã đóng góp 30% cho GDP của thành phố (Lê Văn Thành, 2005).

Bên cạnh những tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, lao động nghề nghiệp cũng mang đến

những tác động tiêu cực. Thứ nhất là về mặt chất lượng làm gia tăng dân số của thành phố và làm gia tăng số lao động thất nghiệp. Trong năm 2013, thành phố có 7,9 triệu dân, tăng hơn 2,4 triệu trong vòng 14 năm qua, với tốc độ báo động số lượng dân số đô thị mà này trước 1 năm (Thống kê Thành phố, 2013, tr. 64), nguyên nhân chính là do di dân từ các tỉnh, thành khác đến làm tăng dân số của thành phố. Điều đó tạo nên áp lực đối với thành phố về nhiều mặt: quản lý, quy hoạch, các chính sách xã hội... Ngoài ra, trong thị trường lao động nghề nghiệp ở độ tuổi 15 - 59 di cư đến thành phố, có 81,9% tìm được việc làm ngay - con số này là khá lớn nhưng con số 18,1% chưa tìm được việc làm ngay khi mới đến cũng không phải là nhỏ (Thống kê Thành phố, 2010, tr. 97). Hơn nữa, mức độ thất nghiệp ở những người có việc làm rất cao những phần lớn công việc của họ có tính chất tạm thời, không ổn định nên số thất nghiệp ở khu vực lao động nghề nghiệp luôn có nguy cơ gia tăng.

Vấn đề nhà ở cho người lao động nghề nghiệp là một trong những vấn đề nan giải đối với thành phố trong những năm gần đây. Nhu cầu của người lao động nghề nghiệp rất lớn trong khi khả năng đáp ứng của thành phố còn rất hạn chế. Nhu cầu người lao động nghề nghiệp có nhu cầu mua và thuê nhà ở nên đã dẫn đến tình trạng nhiều người dân ở đô thị xây nhà để bán với giá rất cao cho thuê. Việc xây dựng tùy tiện không phép dẫn đến hình thành những khu dân cư tạm bợ, không đảm bảo chất lượng sống hàng ngày, những hộ nghèo đói, những hộ nghèo thoát nghèo, và sinh đô thị... hình thành những khu “

thông di chuyển ra thị trường xuyên, đặc biệt là các giao lưu và vào các giới cao điểm. Việc chuyển giao thông đô thị có nhiều lý do nhưng có một lý do chính là thị trường dân cư, đặc biệt là người nhập cư đến với thành phố quá đông; hệ thống đường sá, phương tiện vận tải không kịp đáp ứng. Sự ùn tắc giao thông gây tác hại với nhiều mặt cho đời sống kinh tế-xã hội của thành phố như: gia tăng tai nạn giao thông, gia tăng ô nhiễm khói bụi gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, lãng phí thời gian, tiền của...

Việc cung cấp điện, nước, xử lý rác và thoát nước cũng phải gia tăng theo dân số. Một khi nhu cầu hệ thống này không phát triển kịp để tăng dân số sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến mặt sống dân cư thành phố. Chính hệ thống nước cấp, ô nhiễm rác, nước thải...

Các cơ sở giáo dục, khám chữa bệnh ở thành phố không đủ để đáp ứng sự gia tăng của lực lượng lao động nhập cư, gây nên hiện tượng quá tải. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê TPHCM (2013), trong năm học 2012 - 2013, toàn thành phố có 922 trường phổ thông các cấp, số lớp học là 27.096, với lực lượng học sinh là 1.083,3 em; trung bình có 40 học sinh/1 lớp, trong khi theo chuẩn quốc gia thì chỉ nên có dưới 35 học sinh/1 lớp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007). Nhiều lao động nhập cư đem theo con em, nhu cầu do hoàn cảnh kinh tế khó khăn mà đành phải cho con em nghỉ học, làm cho tình trạng thất học của trẻ em tăng lên.

Với cơ sở khám chữa bệnh, năm 2013, toàn thành phố có 31.900 giường bệnh (Nguyễn Hoàng, 2013); số cán bộ y tế

năm 2012 là 43.370 người (Sở Y tế TPHCM). Nếu chia bình quân số giường bệnh cho dân cư thành phố thì trung bình khoảng 39 giường bệnh/10.000 dân. Một con số quá thấp. Có tình trạng này là bởi vì, theo thống kê năm 2011, có khoảng 40,8% bệnh nhân đi vào trong các bệnh viện không phải là dân thành phố (Phạm Linh, 2013).

Cuối cùng, có thể thấy lao động nhập cư đến thành phố phần lớn là dân di cư từ do nên thường phải thuê nhà ở và hay di chuyển để tìm nơi cho thuê nhà ở hơn nên gây khó khăn, phức tạp cho công tác quản lý nhân khẩu. Bên cạnh đó, do sống trong điều kiện tạm bợ nên nhu cầu người lao động nhập cư không có điều kiện để tham gia sinh hoạt khu phố, không có điều kiện để tham gia các đoàn thể... Vì vậy, ít nhiều làm ảnh hưởng đến các phong trào xã hội ở địa phương.

Như vậy, lao động nhập cư vừa mang đến những tác động tích cực, vừa tạo ra những tác động tiêu cực. Tính hai mặt của lao động nhập cư tác động đến quá trình phát triển kinh tế-xã hội của thành phố là điều tất yếu và đòi hỏi phải có những biện pháp, chính sách phù hợp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

3. NGHỀ NGHIỆP MỚI CHÍNH SÁCH ĐỀ TÀI ĐỀ I VÀ I LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP

Từ thực trạng trên, có một số vấn đề chính sách đối với lao động nhập cư mà thành phố cần tập trung giải quyết, ưu tiên là các vấn đề sau:

- *Chính sách quản lý, đào tạo và sự di cư đối với lao động nhập cư*

Đối với vấn đề chính sách quản lý, đào tạo và sự di cư lao động nhập cư thì nan

đồng. Việc làm thêm giờ cho anh là nghiêm trọng bởi bản thân người lao động cũng muốn làm thêm, song điều rứt rứt là rứt nhieu doanh nghiệp không thanh toán đủ số tiền làm thêm ngoài giờ theo quy định. Và đó là nguyên nhân gây bức xúc cho công nhân và dẫn đến đình công ở một số doanh nghiệp trong thời gian qua.

- *Chính sách nhà ở, đất đai, cấp trú, giáo dục, y tế đối với lao động nhập cư*

Hiện nay, nhà ở cho lao động nhập cư là một trong những vấn đề nan giải của thành phố, khó khăn đó tăng lên nhiều hơn khi chính sách đất đai của thành phố vẫn còn phân định rõ ràng rồi giữa cư dân của thành phố và dân nhập cư. Chính họ quy định với việc bị thời gian, họ trả và tái định cư khi nhà ở cũ thu hồi đất trên địa bàn thành phố như sau: “Hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi toàn bộ nhà ở, đất ở (không sản xuất nông nghiệp) phải di chuyển đến nơi khác để ở có từ 1.000.000 đồng cho mỗi cá nhân có tên trong hộ khẩu thời gian trú họ có có quy định thu hồi đất từ 12 tháng trở lên (không tính các trường hợp thuê, mượn) thì căn nhà phải di chuyển đến nơi khác” (Ủy ban Nhân dân TPHCM, 28/5/2010). Như vậy, chỉ có cư dân của thành phố, người đã tạm trú ở thành phố trước khi có quy định thu hồi đất 12 tháng trở lên mới được hỗ trợ chi phí di chuyển, còn những người thuê lao động nhập cư có thời gian tạm trú dưới 12 tháng, người lao động thuê, mượn căn nhà có quy định thu hồi đất thì không được hỗ trợ phí di chuyển. Rõ ràng quy định này đã ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng

của người lao động nhập cư mà không có lý do xác đáng nào để chứng minh.

Cũng theo *Quyết định 35*, việc bị thời gian và họ trả tái định cư không phân biệt giữa người có hộ khẩu thành phố và người không có hộ khẩu thành phố. Tuy nhiên, trên thực tế, do chỉ tái định cư không phù hợp, không thuận lợi cho việc làm của mình nên rất nhiều người dân (có hộ khẩu và không có hộ khẩu thành phố) đã bán lại căn hộ tái định cư với giá thấp hơn giá trị thực tế của căn nhà (việc này còn có lý do là căn hộ tái định cư của đất đai cấp giấy cho quy định ngay khi được bàn giao cho chủ hộ, việc cấp giấy cho quy định nhà thời gian kéo dài cả năm, thậm chí lâu hơn) để có ngay một số tiền. Với số tiền đó, họ tìm mua căn nhà khác, như họ nói, thậm chí là mua xe, hoặc mua đất không có giấy tờ hợp lệ với giá rẻ rồi chuyển nhà tạm thời. Thế đó, lại hình thành nên các khu nhà mua xe mua, hoặc mua đất không có giấy tờ hợp lệ với giá rẻ rồi chuyển nhà tạm thời. Thế đó, lại hình thành nên các khu nhà mua xe mua. Chính quy định địa phương người giữ tờ a, chỉnh trang, nâng cấp và lại phải đền bù, họ trả di dời. Còn như vậy, cái vòng luẩn quẩn: giữ tờ a, đền bù, họ trả, di dời, rồi lại giữ tờ a, đền bù... cứ tái diễn, lặp đi, lặp lại nhiều lần, gây khó khăn cho ngân sách thành phố và cho công tác quản lý, chỉnh trang đô thị văn minh, sạch đẹp...

Đối với người lao động có trình độ và tay nghề cao, có thu nhập khá thì nhà ở tạm thời, chỗ tạm thời nhà tạm. Tuy nhiên, do đa số người lao động ở các khu công nghiệp, các khu chế xuất thời gian gấp gáp khó khăn về kinh tế cho nên giải pháp ưu tiên mà họ thời gian là chấp nhận trong vấn đề nhà ở là thuê nhà với chỗ tạm thời tạm, không đem bỏ đi để kiếm sống tạm thời.

Thoát ly nông thôn để các nông dân lao động nhập cư xem như một phương thức giải thoát khỏi cái nghèo. Tuy nhiên, với những khó khăn quá lớn về nhà ở, đất đai cần trú ẩn tạm, vô tình nông dân lao động nhập cư đã bị đẩy vào đời sống “nghèo đô thị”, và chúng ta đã để cho “cái nghèo di cư” cùng với nông dân ra thành phố.

Những khó khăn trong việc “an cư” đời với thành phố lao động nhập cư còn gắn liền với những thiệt thòi trong lĩnh vực y tế, giáo dục và các quy định công cộng khác.

Về y tế, hiện nay, việc khám chữa bệnh cho người nghèo, tiêm chủng cho trẻ em được làm khá tốt. Vì thế, có thể nói, về cơ bản, không có sự phân biệt giữa người nhập cư và thành phố trú. Và khi có chế độ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi thì người nhập cư cũng được tiếp cận chính sách này. Tuy nhiên, do không nằm trong danh sách quần lý theo dõi chế độ, thành phố xuyên cửa các chính quyền quần, huyện nên người nhập cư lao động nhập cư không được tiếp cận một cách đầy đủ, toàn diện và liên tục các chế độ y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng để đưa thành phố như chăm sóc sức khỏe phòng ngừa, quần lý thai nhi, giáo dục sức khỏe... Người kinh phí để thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người dân thành phố có giới hạn, trong khi đó, ngành y tế thành phố phải gánh vác toàn bộ việc khám chữa bệnh cho cư dân người nhập cư, dân tộc thiểu số quá tải về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân viên y tế và... làm cho hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân cửa thành

phố không được bảo vệ yêu cầu. Hiện nay, với các chế độ y tế sinh sản và chăm sóc sức khỏe sinh sản, người nhập cư tiếp cận được và được tiếp cận dịch vụ có chất lượng. Những nhu cầu về sức khỏe sinh sản thì người nhập cư được lao động bình qua. Đó là những thách thức rất lớn trong việc theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững và công bằng xã hội cửa thành phố.

Thực tế hiện nay chính quyền địa phương và nhiều chủ sở hữu lao động không quan tâm nhiều đến việc nâng cao năng lực tiếp cận các dịch vụ y tế cho người nhập cư. Đầu tư gia tăng lợi nhuận, nhiều chủ doanh nghiệp thành phố tránh việc mua bảo hiểm y tế cho người nhập cư lao động nhập cư. Theo số liệu Tổng điều tra dân số năm 2009 thì có đến 59,2% lao động nhập cư không có bảo hiểm y tế (Tổng cục Thống kê, 2010). Vì không có bảo hiểm y tế lợi ích chi phí thu được cao, người nhập cư lao động nhập cư rất ngại người trong việc đi khám, chữa bệnh khi có bệnh. Họ chấp nhận rủi ro trong việc tiếp cận bệnh hoặc không chữa bệnh.

Về giáo dục, thành phố đã có chế độ tiếp cận miễn phí trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, cơ chế là tiếp cận học sinh dù có học hay không có học khu vực thành phố vẫn được vào học các trường trên địa bàn thành phố (theo quy định của pháp luật). Tuy nhiên, trong điều kiện thi đua thành phố giáo viên, trường lớp và các cơ sở vật chất khác, các cơ sở giáo dục công lập cửa thành phố buộc phải ưu tiên tiếp nhận con em cửa những người nhập cư có học khu vực thành phố trú, còn việc tiếp nhận con em cửa những người nhập cư không có học khu vực thành phố trú tùy thuộc vào điều kiện

trở nên lập nên địa bàn, địa phương.
Đi u này vô hình trung đã làm cho c h i
bình đng trong h c t p c a con em
ng i lao đng nh p c b h n ch .

Như vậy, so với cộng đồng đóng góp của người lao động nhập cư thì số hộ nông thôn của con em họ với giáo dục là chưa đáng kể, thậm chí rất thấp thời so với tổng số dân của thành phố thì người nhập cư chỉ chiếm trên 30% nhưng tỷ lệ học sinh là con em họ chỉ có 10% (Đức Trung - Minh Đức, 2005), tức chỉ đứng ở mức nông thôn quy định giáo dục bậc 1/10 so với dân số tổng.

Việc thi hành công việc và sinh hoạt tinh thần đời sống lao động nhàn nhã cũng còn nhiều hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do thiếu các cơ sở sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí,... Đời sống này là do thiếu sót ngay từ khâu quy hoạch các khu công nghiệp. Và đây cũng là tình trạng chung ở rất nhiều địa phương, đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi có đông lao động nhàn nhã.

Vì quy hoạch ngành điện, nước, môi trường nhà nước đã có quy định về định mức điện, nước cho người đi lao động nhập cư nhập ngành về vận chuyển giá điện, nước cao hơn gấp 2 đến 3 lần so với người dân sở tại. Vì vậy đơn vị này có 2 lý do. Thứ nhất là mức dù thành phố có quy định về định mức nước đi về lao động nhập cư nhập ngành định mức nước mà họ được hưởng là định mức 2 chỉ không phải định mức 1, nghĩa là nằm trong $4m^3$ nước đầu tiên, người đi có thể khu thành phố được hưởng ngay mức giá thấp (định mức 1) thì lao động nhập cư ngay từ $4m^3$

nòng công đầu tiên đã phải trả giá nòng cao hơn định mức 2 (Ủy ban Nhân dân TPHCM, 2010). Thứ hai là mức dù thành phố đã thực hiện việc yêu cầu chính quyền, đoàn thể địa phương vận động các nhà trọ thực hiện việc thu giá điện, nòng theo quy định của nhà nòng nhúng phần đông người lao động nhúng không được thực hiện quy định này. Điều kiện gần là hầu hết chủ nhà trọ không muốn đi đăng ký định mức điện, nòng cho họ mà tự định ra giá điện, nòng cao hơn nhiều hơn so với quy định nhúng họ nên làm. Theo thống kê của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thì trong năm 2011 và 2012, chính quyền và các đoàn thể địa phương đã vận động và cấp định mức nòng cho 4.619 khu nhà trọ với 189.692 định mức – một con số quá nhúng so với hơn 2 triệu lao động nhúng đang sống và làm việc tại thành phố. Như vậy, liệu có công bằng không khi mà mức đóng góp của người lao động nhúng cho sự phát triển kinh tế-xã hội thành phố thì cao hơn mức thực hiện các chính sách xã hội của họ và thế?

Vì quy định là chính trị, theo luật pháp, người dân không được bỏ đi mà đi theo các quy định công dân của mình. Trên thực tế, người dân sợ hãi hay người dân không đi theo thực hiện theo những quy định của mình, người dân. Tuy nhiên, với tâm lý người dân là “công dân hàng 2”, không ít người dân không dám hoặc không đi theo tin tưởng vào các quan chức quy định sẽ đi hoặc xem mình là người dân ngoài cuộc. Thực tế họ chỉ tham gia người dân là công dân (công xã, phường hoặc dân phố). Trong thực tế người dân này, rõ ràng trí tuệ của một bộ phận nhân dân chưa được chính quy định đưa

phòng quan tâm và phát huy đúng mức, nâng lên chất lượng và hiệu quả của công tác phòng nhân dân vẫn còn đang tiềm năng, quyên góp công hiến của công nhân nhân dân chưa được xã hội công nhận.

Bên cạnh đó, người nhập cư thường bị coi trọng hơn so với người dân thành phố trong tiếp cận các dịch vụ, đặc biệt là thành nhân nhân của nhân tham nhũng. Trong những năm trước đây, hầu hết người nhập cư phải nhập “người nhập cư trung gian” trong việc đăng ký nhập cư. Hiện nay, việc phải nhập “người nhập cư trung gian” đã có hạn chế khu vực thành phố chưa phải đã hết. Việc làm đăng ký nhập cư đăng ký cư trú không những coi trọng người nhập cư cũng khiến mức sống mà còn là một trong những nguyên nhân làm cho nhân hời hợt và tham nhũng tăng lên, làm bằng lòng đối với xã hội và làm biến chất bộ máy công quyền.

Ngoài ra, theo quy định của pháp luật thì công dân từ 17 đến 25 tuổi đều phải đăng ký nghĩa vụ quân sự ở nơi cư trú, dù là thành phố hay nhập cư (Luật Sĩ quan, bổ sung Luật Nghĩa vụ Quân sự 2005). Tuy nhiên, khi triển khai quy định này với số thì lại kèm theo yêu cầu là phải có hạn chế khu vực thành phố. Điều này sẽ gây thiệt hại cho người nhập cư có mong muốn đi nghĩa vụ quân sự và làm việc trong quân đội tại địa phương mà họ đang sinh sống.

4. KẾT LUẬN

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. 2010. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
2. Bộ Hộ tịch. 2011. *Bài toán dân nhập cư tại TPHCM: Thách thức công nghiệp quy hoạch*. <http://www.baomoi.com>.

Trong những năm qua, chính quyền thành phố đã đưa ra và thực hiện được một số chính sách quản lý đối với lao động nhập cư. Mặc dù đã có nhiều cải thiện so với trước đây, nhưng hiện nay chính sách đó vẫn nghiêng về những biện pháp hạn chế hơn là khuyến khích nhập cư. Do vậy, các chính sách đó vẫn còn kém hiệu quả. Trước tiên đã chứng minh rằng bất cứ nơi nào nhập cư ngăn cản việc nhập cư di dân mà không tìm kiếm các giải pháp thay thế là rất khó thực hiện. Hơn nữa, nếu có những chính sách các dòng di dân một cách duy ý chí có thể gây ra những tổn thất cho công nghiệp di cư và không di cư. Trên thực tế, lao động nhập cư đem đến cho thành phố những lợi ích và những đóng góp và những thách thức. Và thành phố đối xử với họ cũng đầy mâu thuẫn, chưa bao giờ có một tiêu chí “tăng cường kinh tế” với “công bằng xã hội”. Với tư cách là người định kiến trước đây với kiểm soát di dân là một thách thức lớn đối với các nhà quản lý, đặc biệt là những quan điểm cho rằng di dân là gánh nặng. Do đó, thành phố cần xây dựng một môi trường kinh tế-xã hội có khả năng thu hút, chấp nhận, điều chỉnh một cách tích cực sự nhập cư và công nhân lao động nhập cư. Có như vậy thì với góc độ kinh tế, thành phố mới xứng đáng là trung tâm kinh tế của các nước, và với khía cạnh nhân văn mới đạt được một tiêu chí là thành phố “văn minh - hiện đại - nghĩa tình” mà thành phố đã đưa ra. □

com, ngày 20/9/2011.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2007. *Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 02 tháng 4 năm 2007, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nội dung học*.
4. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội - Cục Việc làm. 2012. *Vấn đề lao động di cư ra thành thị, khu công nghiệp trong bối cảnh sau khi Việt Nam gia nhập WTO – thực trạng và giải pháp*.
5. Bộ luật Lao động của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2012. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Bộ luật Lao động của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1994 (sửa đổi, bổ sung các năm 2002, 2006, 2007). 2007. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Cục Thống kê TPHCM. 2012. *Niên giám thống kê TPHCM năm 2011. Dân tích, dân số và lao động*. TPHCM: Nxb. Thống kê.
8. Cục Thống kê TPHCM. 2013. *Tình hình kinh tế-xã hội TPHCM năm 2013 và tháng 12/2013*. <http://www.gso.gov.vn>, ngày 24/12/2013.
9. Đức Trung - Minh Đức. 2005. *Dân nhập cư: Bao giờ hết kỳ thị?* Báo Thanh niên, ngày 16/12/2005.
10. Gia Huy. *Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TPHCM Trần Anh Tuấn: Việc không thiếu, chỉ sự yếu kém*. <http://www.dubao nhanluchcmc.gov.vn/>, ngày 17/3/2015.
11. Hoàng Nguyên. 2015. *1000 người tìm việc tham gia hội thảo phát triển bản thân của VietnamWorks*. <http://hrinsider.vietnamworks.com>, ngày 11/3/2015.
12. Lê Văn Thành, 2005. *Tình hình và đặc điểm dân nhập cư ở TPHCM qua mặt số công trình nghiên cứu gần đây*.
13. Minh Thảo. 2011. *Người nhập cư và vấn đề xã hội*. <http://www.congan.com.vn>, ngày 29/7/2011.
14. Nguyễn Hoàng. 2013. *Thị trường chế độ giảm quá tải bệnh viện tại TPHCM, (từ Cục Thông tin Chính phủ)*, <http://www.dantri.com.vn>, ngày 7/9/2013.
15. Phạm Ngọc Linh. 2013. *Những nỗ lực giảm tình trạng quá tải bệnh viện tại TPHCM*, <http://www.nhandan.com.vn>, ngày 11/3/2013.
16. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2005. *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ Quân sự 2005*.
17. Sở Y tế TPHCM. *Thống kê nhân lực y tế 2000 - 2012*. <http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn>.
18. Tổng Công ty Cổ phần Sài Gòn. *Hoạt động Đón tiếp và Tạm trú công ty năm 2012*. <http://www.sawaco.com.vn>, ngày 18/4/2013.
19. Thu Hiền. 2009. *Làn sóng di cư gây áp lực lên địa phương*. <http://www.thesaigontimes.vn>, ngày 5/12/2009.
20. Ủy ban Nhân dân TPHCM. 11/3/2013. *Quyết định Số 11/2013/QĐ-UBND điều chỉnh diện giá nhân lực sinh hoạt khu vực nông thôn*.
21. Ủy ban Nhân dân TPHCM. 2010. *Quyết định Ban hành Quy định về bồi dưỡng, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TPHCM ngày 28/5/2010*.
22. Văn Các vấn đề xã hội. 10/2005. *Dự thảo báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá chính sách di dân đến đô thị*. Hà Nội.